

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2017

THÔNG TƯ

**Quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ
giai đoạn 2016-2020**

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định việc xây dựng, phê duyệt danh mục dự án đặt hàng; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án; ký hợp đồng thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh dự án; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án và tổ chức các hoạt động chung thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016 - 2020 được phê duyệt theo Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ (viết tắt là Chương trình).

2. Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện và tham gia Chương trình; các cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Nhiệm vụ thuộc Chương trình

Nhiệm vụ thuộc Chương trình bao gồm các hoạt động chung và các dự án.

1. Hoạt động chung thuộc Chương trình là các hoạt động xây dựng và triển khai các nhiệm vụ sau đây:

a) Các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 mục III Điều 1 Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

b) Hỗ trợ đăng ký bảo hộ trong nước cho các đối tượng là kết quả nghiên cứu khoa học, kiểu dáng sản phẩm quy định tại khoản 2 mục II Điều 1 Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

c) Tư vấn, hỗ trợ đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các cá nhân có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật và thành quả sáng tạo khác; vinh danh, khen thưởng các cá nhân điển hình có tài sản trí tuệ, thành quả sáng tạo được áp dụng rộng rãi, mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng và xã hội quy định tại khoản 4 mục II Điều 1 Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Dự án thuộc Chương trình là nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện các nội dung quy định tại mục II Điều 1 Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ, trừ các nhiệm vụ quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

Điều 3. Phân nhóm và mã số các dự án thuộc Chương trình

1. Phân nhóm dự án thuộc Chương trình

Các dự án thuộc Chương trình được phân thành 2 nhóm:

a) Dự án Trung ương quản lý: Là dự án được xây dựng và triển khai theo mô hình điểm, có tính chất điển hình hoặc phức tạp, có tính đặc thù về chuyên môn;

b) Dự án địa phương quản lý: Là dự án được xây dựng và triển khai trên cơ sở kết quả thực hiện các mô hình điểm đã được tổng kết, nghiệm thu hoặc giải quyết vấn đề phát triển-sản xuất, kinh doanh thuộc địa phương, đơn vị và phù hợp với năng lực tổ chức quản lý ở địa phương.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định việc phân nhóm các dự án trên cơ sở ý kiến của hội đồng tư vấn xác định dự án thuộc Chương trình.

3. Mã số của các dự án thuộc Chương trình

Các dự án thuộc Chương trình được ghi mã số như sau:

SHTT.TW(ĐP).XX-20YY, trong đó:

a) SHTT: Là ký hiệu chung cho dự án thuộc Chương trình;

b) TW: Là ký hiệu dự án Trung ương quản lý;

c) ĐP: Là ký hiệu dự án địa phương quản lý;

d) XX: Là ký hiệu số thứ tự của dự án;

đ) YY: Là ký hiệu 2 chữ số cuối của năm bắt đầu thực hiện dự án.

Điều 4. Nguyên tắc và nội dung quản lý Chương trình

1. Nguyên tắc quản lý Chương trình

a) Việc tổ chức triển khai và quản lý Chương trình phải bảo đảm công khai, minh bạch và đúng quy định của pháp luật;

b) Thông tin về Chương trình được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ và Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Sở Khoa học và Công nghệ);

c) Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện dự án theo quy định tại Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Nội dung quản lý Chương trình

a) Quản lý các hoạt động chung thuộc Chương trình

Các hoạt động chung quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư này do Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý và tổ chức thực hiện;

b) Quản lý các dự án thuộc Chương trình

Quản lý các dự án thuộc Chương trình bao gồm: Xác định và phê duyệt danh mục dự án đặt hàng; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án; thẩm định dự toán kinh phí dự án; phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án; ký hợp đồng thực hiện dự án; kiểm tra, điều chỉnh dự án; đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện dự án; thanh lý hợp đồng và xử lý tài sản sau khi kết thúc dự án; tổ chức phổ biến và nhân rộng kết quả thực hiện dự án.

Điều 5. Bộ máy quản lý Chương trình

1. Bộ Khoa học và Công nghệ: Thống nhất quản lý Chương trình, xác định và phê duyệt danh mục dự án đặt hàng (bao gồm dự án Trung ương quản lý và dự án địa phương quản lý) và trực tiếp quản lý các dự án Trung ương quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Phối hợp quản lý Chương trình tại địa phương (trừ nhiệm vụ xác định và phê duyệt danh mục dự án đặt hàng do Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện) và trực tiếp quản lý các dự án địa phương quản lý.

3. Cơ quan quản lý dự án

a) Cục Sở hữu trí tuệ (cơ quan quản lý dự án ở Trung ương) thông qua Văn phòng Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Sở Khoa học và Công nghệ (cơ quan quản lý dự án ở địa phương) là đơn vị đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương II

XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT DANH MỤC DỰ ÁN ĐẶT HÀNG

Điều 6. Nguyên tắc xác định dự án đặt hàng

1. Nhiệm vụ mà dự án giải quyết mang tính cấp thiết hoặc là nhu cầu chung của cơ quan quản lý nhà nước, cộng đồng, doanh nghiệp và phù hợp với các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, xã hội, khoa học và công nghệ của ngành, địa phương.

2. Mục tiêu của dự án phù hợp với mục tiêu của Chương trình và được xác định rõ ràng, có thể định lượng được.

3. Nội dung dự án phù hợp với nội dung Chương trình, rõ ràng, được thiết kế phù hợp với thực tiễn và bảo đảm tính khả thi.

4. Phương án triển khai được bố trí khoa học, hợp lý, sáng tạo để bảo đảm giải quyết được các nhiệm vụ mà dự án đặt ra.

5. Kết quả, sản phẩm dự kiến của dự án phù hợp với mục tiêu, nội dung của dự án và có thể định lượng được.

6. Dự án có tính bền vững và có khả năng duy trì, nhân rộng kết quả sau khi kết thúc.

7. Không trùng lặp với nhiệm vụ đã và đang thực hiện, không xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của chủ thể khác.

8. Thời gian thực hiện dự án không quá 24 tháng và kết thúc muộn nhất vào năm 2020, trừ trường hợp đặc biệt được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với dự án Trung ương quản lý) hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án địa phương quản lý) quyết định.

Điều 7. Đề xuất dự án

1. Hàng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành, địa phương hoặc tổ chức, cá nhân đề xuất dự án thuộc Chương trình theo biểu mẫu B1 kèm theo Thông tư này.

2. Nơi tiếp nhận đề xuất dự án:

Cục Sở hữu trí tuệ

386 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

3. Ngày tiếp nhận đề xuất dự án: Là ngày tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi đóng dấu lên phong bì hồ sơ (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc ngày đóng dấu “đến” của Văn thư Cục Sở hữu trí tuệ (trường hợp nộp trực tiếp).

Điều 8. Xác định dự án và phê duyệt danh mục dự án đặt hàng

1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tiếp nhận đề xuất dự án theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 7 của Thông tư này, Cục Sở hữu trí tuệ tổng hợp các đề xuất dự án và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, tổ chức hội đồng tư vấn xác định dự án thuộc Chương trình.

2. Hội đồng tư vấn xác định dự án do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập, có 07 hoặc 09 thành viên, bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội đồng, 02 ủy viên phản biện, 01 Thư ký khoa học và các ủy viên. Thành viên hội đồng là chuyên gia về sở hữu trí tuệ, chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực của dự án, đại diện cơ quan quản lý nhà nước hoặc các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Hội đồng làm việc theo phương thức quy định tại Điều 17 của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (viết tắt là Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN) và khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN.

Trình tự, thủ tục làm việc của hội đồng được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 18 của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN. Thành viên hội đồng nhận xét, đánh giá các đề xuất dự án theo nguyên tắc quy định tại Điều 6 và biểu mẫu B2 kèm theo Thông tư này. Hội đồng thống nhất “đề nghị thực hiện” đối với đề xuất dự án có tối thiểu 75% tổng số thành viên hội đồng tham dự phiên họp bỏ phiếu “đề nghị thực hiện”. Hội đồng có trách nhiệm đề xuất phân nhóm dự án (dự án Trung ương quản lý hoặc dự án địa phương quản lý) và đề xuất phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp).

Hội đồng lập và thông qua Biên bản họp theo biểu mẫu B3 kèm theo Thông tư này.

4. Trong trường hợp có đề nghị của Chủ tịch hội đồng và ít nhất 01 ủy viên phản biện, trước khi tổ chức họp hội đồng, Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức khảo sát thực địa, làm việc với đơn vị đề xuất dự án và các đơn vị khác có liên quan để kiểm tra, thu thập thông tin, số liệu, xác định sự phù hợp của đối tượng bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ phục vụ việc xem xét, đánh giá đề xuất dự án.

5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hội đồng thông qua Biên bản họp, Cục Sở hữu trí tuệ xây dựng danh mục dự án đặt hàng theo biểu mẫu B4 kèm theo Thông tư này và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt.

Điều 9. Công bố danh mục dự án đặt hàng

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt, Cục Sở hữu trí tuệ công bố danh mục dự án đặt hàng trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ và Cục Sở hữu trí tuệ.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ công bố danh mục dự án của địa phương mình được giao quản lý trên Cổng Thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ.

Chương III

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN

Điều 10. Thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án

1. Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án Trung ương quản lý trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ, Báo Khoa học và Phát triển và Báo Diễn đàn doanh nghiệp (báo điện tử hoặc báo in).

2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án địa phương mình quản lý trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ, báo điện tử hoặc báo in của địa phương.

3. Thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án gồm các thông tin cơ bản sau đây: Tên dự án; định hướng mục tiêu dự án; sản phẩm, yêu cầu đối với sản phẩm dự án; yêu cầu về hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án; thời gian và địa chỉ nộp hồ sơ.

Điều 11. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án

1. Tổ chức đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp dự án phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

a) Có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của dự án;

b) Có khả năng huy động kinh phí đối ứng thực hiện dự án;

c) Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (viết tắt là Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN).

2. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau đây:

a) Có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp và đã hoạt động trong lĩnh vực của dự án trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ; hoặc là tác giả các đối tượng quy định tại Điều 3 của Luật Sở hữu trí tuệ đăng ký làm chủ nhiệm dự án liên quan đến các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ này;

b) Có khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc của chủ nhiệm dự án;

c) Không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 4 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN.

Điều 12. Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án

1. Hồ sơ gồm 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp), được trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 và 01 bản điện tử (không cài bảo mật), bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức đăng ký chủ trì hoặc các giấy tờ tương đương khác;

b) Điều lệ hoạt động của tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án (nếu có);

c) Phiếu đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì dự án theo biểu mẫu B5 kèm theo Thông tư này;

d) Thuyết minh dự án theo biểu mẫu B6 kèm theo Thông tư này;

đ) Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp dự án theo biểu mẫu quy định tại khoản 4 Điều 5 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN;

e) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm dự án, các thành viên chính và thư ký khoa học thực hiện dự án; lý lịch khoa học của chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài theo các biểu mẫu quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 5 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN;

g) Văn bản xác nhận về sự đồng ý phối hợp thực hiện dự án của các đơn vị phối hợp (nếu có) theo biểu mẫu quy định tại khoản 7 Điều 5 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN;

h) Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm, dịch vụ cần thuê để thực hiện dự án, thời gian báo giá không quá 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ. Báo giá có thể được cập nhật, điều chỉnh hoặc bổ sung trước thời điểm họp thẩm định dự toán kinh phí dự án (nếu cần);

i) Báo cáo tài chính tối thiểu 02 năm gần nhất của tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp dự án;

k) Văn bản chứng minh phương án huy động kinh phí đối ứng (đối với dự án có yêu cầu phải huy động kinh phí đối ứng) theo quy định tại khoản 10 Điều 5 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN.

2. Hồ sơ phải được niêm phong kín và bên ngoài ghi rõ các thông tin: Tên dự án, danh mục tài liệu trong hồ sơ; tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì dự án, tên cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án và thông tin về người liên hệ (điện thoại và địa chỉ email).

Điều 13. Nộp và tiếp nhận hồ sơ

1. Đối với dự án Trung ương quản lý

a) Nơi tiếp nhận hồ sơ:

Cục Sở hữu trí tuệ

386 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

b) Ngày tiếp nhận hồ sơ: Là ngày tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi đóng dấu lên phong bì hồ sơ (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc ngày đóng dấu “đến” của Văn thư Cục Sở hữu trí tuệ (trường hợp nộp trực tiếp).

2. Đối với dự án địa phương quản lý:

a) Nơi tiếp nhận hồ sơ: Theo thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Ngày tiếp nhận hồ sơ: Là ngày tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi đóng dấu lên phong bì hồ sơ (trường hợp gửi qua bưu điện) hoặc ngày đóng dấu “đến” của Văn thư cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này (trường hợp nộp trực tiếp).

3. Trong thời hạn tiếp nhận hồ sơ, tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp dự án có quyền rút hồ sơ, thay hồ sơ mới hoặc bổ sung, sửa đổi hồ sơ đã nộp. Văn bản bổ sung, sửa đổi là bộ phận cấu thành của hồ sơ đã nộp trước đó.

Điều 14. Mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tiếp nhận hồ sơ, cơ quan quản lý dự án hoàn thành việc mở, kiểm tra, xác nhận tính hợp lệ và lập Biên bản mở hồ sơ theo biểu mẫu B7 kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ được coi là hợp lệ nếu dự án thuộc danh mục được công bố theo quy định tại Điều 9 và đáp ứng quy định tại các Điều 11, 12 và 13 của Thông tư này.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản mở hồ sơ, cơ quan quản lý dự án thông báo kết quả mở hồ sơ cho tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì dự án.

Điều 15. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án

1. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án có 07 hoặc 09 thành viên, bao gồm Chủ tịch và Phó Chủ tịch hội đồng, 02 ủy viên phản biện, 01 Thư ký khoa học và các ủy viên. Thành viên hội đồng là chuyên gia về sở hữu trí tuệ, chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực của dự án, đại diện cơ quan quản lý nhà nước hoặc các tổ chức khác có liên quan, trong đó có ít nhất 02 thành viên đã tham gia hội đồng tư vấn xác định dự án.

2. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 8 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN không được tham gia hội đồng.

3. Thẩm quyền thành lập hội đồng

a) Dự án Trung ương quản lý: Hội đồng do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập;

b) Dự án địa phương quản lý: Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập.

Điều 16. Tiêu chí, thang điểm đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án

Việc đánh giá hồ sơ đăng ký chủ trì dự án được tiến hành bằng cách cho điểm vào Phiếu đánh giá hồ sơ theo biểu mẫu B8 kèm theo Thông tư này. Số điểm tối đa cho một hồ sơ là 100 điểm, cụ thể như sau:

1. Tiêu chí về tính cấp thiết và điển hình của dự án: Tối đa 15 điểm.

2. Tiêu chí về tính khả thi của dự án: Tối đa 50 điểm.

3. Tiêu chí về tính hiệu quả và bền vững của dự án: Tối đa 35 điểm.

Điều 17. Nguyên tắc, trình tự và nội dung làm việc của hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án

1. Nguyên tắc làm việc của hội đồng

a) Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án chỉ tiến hành họp khi có sự tham dự của ít nhất 05 thành viên (đối với hội đồng có 07 thành viên) hoặc 07 thành viên (đối với hội đồng có 09 thành viên), trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hội đồng và 02 ủy viên phản biện. Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp hội đồng. Trong trường hợp vắng mặt, Chủ tịch hội đồng ủy quyền cho Phó chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp bằng văn bản theo biểu mẫu số B2-7-GUQ của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCHN;

b) Các thành viên hội đồng có trách nhiệm đánh giá hồ sơ một cách trung thực, khách quan và công bằng, chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và chịu trách nhiệm tập thể về kết luận chung của hội đồng.

2. Trình tự và nội dung làm việc của hội đồng

- Phiên họp hội đồng được tổ chức trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản mở hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Thông tư này. Hội đồng làm việc theo trình tự và nội dung quy định tại Điều 11 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCHN;

- Biên bản kiểm phiếu của từng hồ sơ được lập theo biểu mẫu B9 và Biên bản họp Hội đồng được lập theo biểu mẫu B10 kèm theo Thông tư này.

3. Hoàn thiện hồ sơ dự án theo kết luận của hội đồng

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hội đồng thông qua Biên bản họp, cơ quan quản lý dự án có trách nhiệm thông báo bằng văn bản kết quả họp hội đồng cho tổ chức nộp hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp.

b) Trường hợp có ý kiến khác với kết quả họp hội đồng, tổ chức nộp hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp gửi ý kiến bằng văn bản tới cơ quan quản lý dự án trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý dự án ký văn bản thông báo kết quả họp hội đồng.

c) Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày hội đồng thông qua Biên bản họp, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm dự án được kiến nghị tuyển chọn, giao trực tiếp nộp cho cơ quan quản lý dự án các tài liệu sau đây:

- Hồ sơ dự án đã được hoàn thiện theo kết luận của hội đồng;
- Bản giải trình có xác nhận của Chủ tịch hội đồng về những nội dung đã được hoàn thiện theo kết luận của hội đồng.

Điều 18. Điều kiện hồ sơ được tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án

1. Hồ sơ được hội đồng kiến nghị tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án nếu đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

- a) Có trung bình cộng tổng số điểm đánh giá đạt tối thiểu 70 điểm;
- b) Có trung bình cộng số điểm đánh giá về tính khả thi đạt tối thiểu 40 điểm;
- c) Có trung bình cộng số điểm đánh giá về tính hiệu quả và bền vững đạt tối thiểu 25 điểm.

2. Trường hợp có nhiều hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì của một dự án cùng đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này thì hồ sơ được tuyển chọn là hồ sơ có trung bình cộng tổng số điểm cao nhất.

3. Trường hợp có nhiều hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì của một dự án đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này và có trung bình cộng số điểm bằng nhau thì hồ sơ được chọn theo thứ tự ưu tiên như sau:

- a) Hồ sơ có trung bình cộng số điểm đánh giá về tính khả thi cao hơn;
- b) Hồ sơ có trung bình cộng số điểm đánh giá về tính hiệu quả và bền vững cao hơn.

Trong trường hợp các hồ sơ có điểm trung bình cộng của cả 02 tiêu chí nêu trên bằng nhau, Chủ tịch hội đồng hoặc của Phó Chủ tịch hội đồng được ủy quyền chủ trì phiên họp quyết định hồ sơ được tuyển chọn.

Điều 19. Tư vấn độc lập đánh giá hồ sơ tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của tổ chức nộp hồ sơ về kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 17 của Thông tư này, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc lấy ý kiến của ít nhất 02 chuyên gia độc lập.

2. Điều kiện đối với chuyên gia tư vấn độc lập, thủ tục lấy ý kiến và trách nhiệm của chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo quy định tại Điều 18, khoản 2 Điều 19 và Điều 20 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập, cơ quan quản lý dự án thông báo bằng văn bản cho tổ chức nộp hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp và hướng dẫn tổ chức được kiến nghị tuyển chọn, giao trực tiếp hoàn thiện hồ sơ dự án theo ý kiến của tư vấn độc lập (nếu có).

4. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý dự án ký văn bản thông báo theo quy định tại khoản 3 Điều này, tổ chức được kiến nghị chủ trì và chủ nhiệm dự án hoàn thiện và gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý dự án (nếu có).

Điều 20. Thẩm định dự toán kinh phí dự án

1. Việc thẩm định dự toán kinh phí dự án do Tổ thẩm định dự toán kinh phí tiến hành. Tổ thẩm định có 05 thành viên, gồm có: Tổ trưởng là Lãnh đạo cơ quan quản lý dự án, Tổ phó là đại diện đơn vị quản lý nhà nước về kế hoạch - tài chính, 01 thành viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch hoặc ủy viên phản biện của hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án, 01 thành viên là kế toán của cơ quan quản lý dự án và 01 thành viên là cán bộ quản lý dự án.

2. Tổ thẩm định dự toán kinh phí dự án Trung ương quản lý và Tổ thẩm định dự toán kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương cho dự án địa phương quản lý do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập. Tổ thẩm định dự toán kinh phí dự án từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập.

3. Nguyên tắc làm việc, trách nhiệm, trình tự và nội dung làm việc của Tổ thẩm định được thực hiện theo quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

4. Thẩm định dự toán kinh phí dự án trung ương quản lý

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 17 hoặc khoản 4 Điều 19 của Thông tư này, Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức họp thẩm định dự toán kinh phí dự án Trung ương quản lý;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Tổ thẩm định dự án Trung ương quản lý thông qua Biên bản họp, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo kết quả thẩm định dự toán kinh phí cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm dự án.

5. Thẩm định dự toán kinh phí dự án địa phương quản lý

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 17 hoặc khoản 4 Điều 19 của Thông tư này, Sở Khoa học và Công nghệ gửi hồ sơ cho Cục Sở hữu trí tuệ. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức họp thẩm định dự

toán kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương cho dự án địa phương quản lý;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Tổ thẩm định dự toán kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương cho dự án địa phương quản lý thông qua Biên bản họp, Cục Sở hữu trí tuệ thông báo kết quả cho Sở Khoa học và Công nghệ được giao quản lý dự án;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định dự toán kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương cho dự án địa phương quản lý, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự toán kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hỗ trợ thực hiện dự án. Dự toán phân kinh phí từ ngân sách nhà nước thực hiện dự án phải bảo đảm tỉ lệ giữa kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương và kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ địa phương theo quy định tại Thông tư hướng dẫn quản lý tài chính đối với Chương trình do Bộ Tài chính ban hành;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Tổ thẩm định dự toán kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ địa phương hỗ trợ thực hiện dự án thông qua Biên bản họp, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả thẩm định dự toán kinh phí cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm dự án.

Điều 21. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án

1. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý dự án ký văn bản thông báo kết quả thẩm định dự toán kinh phí, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm dự án có trách nhiệm hoàn thiện thuyết minh dự án theo kết luận của Tổ thẩm định và nộp lại cho cơ quan quản lý dự án sau khi có xác nhận của Tổ trưởng Tổ thẩm định.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Cục Sở hữu trí tuệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án Trung ương quản lý;

b) Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án địa phương quản lý.

3. Hồ sơ trình phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án bao gồm:

a) Báo cáo kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án;

b) Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án theo quy định tại khoản 1 Điều 12 của Thông tư này, trong đó thuyết minh dự án đã được hiệu chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Quyết định phê duyệt danh mục dự án đặt hàng, các Quyết định thành lập hội đồng tư vấn và Tổ thẩm định dự toán kinh phí;

d) Biên bản mở hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án;

đ) Biên bản họp hội đồng tư vấn và tổ thẩm định dự toán kinh phí dự án;

e) Dự thảo quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện dự án.

Điều 22. Phê duyệt kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ ở Trung ương

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cục Sở hữu trí tuệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương đối với các dự án địa phương quản lý.

2. Hồ sơ trình phê duyệt kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương bao gồm:

a) Quyết định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh mục dự án đặt hàng;

b) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện dự án địa phương quản lý;

c) Quyết định thành lập Tổ thẩm định và Biên bản họp thẩm định dự toán kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương đối với dự án địa phương quản lý;

d) Dự thảo Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương đối với các dự án địa phương quản lý.

Điều 23. Công bố kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án Trung ương quản lý hoặc phê duyệt kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương đối với các dự án địa phương quản lý, cơ quan quản lý dự án thông báo cho tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm dự án và công bố trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Sở hữu trí tuệ (đối với dự án Trung ương quản lý), trang tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ (đối với dự án địa phương quản lý).

2. Nội dung công bố bao gồm: Tên dự án; tên, địa chỉ của tổ chức chủ trì, tên chủ nhiệm dự án; tóm tắt mục tiêu; dự kiến kết quả, sản phẩm của dự án và thời gian thực hiện dự án.

Chương IV

KÝ HỢP ĐỒNG, KIỂM TRA VÀ ĐIỀU CHỈNH TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 24. Ký hợp đồng thực hiện dự án

Căn cứ Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan quản lý dự án ký hợp đồng thực hiện dự án với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm dự án theo biểu mẫu B11 kèm theo Thông tư này.

Điều 25. Kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện dự án

1. Kể từ ngày phát sinh số dư tài khoản tiền gửi của dự án do cơ quan quản lý dự án tạm ứng kinh phí lần đầu, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm dự án có trách nhiệm báo cáo định kỳ (6 tháng và hàng năm) hoặc đột xuất (theo yêu cầu của cơ quan quản lý dự án) về tình hình thực hiện dự án và sử dụng kinh phí dự án theo các biểu mẫu B12 và B13 kèm theo Thông tư này.

2. Cục Sở hữu trí tuệ chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ nơi có dự án triển khai trên địa bàn tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của dự án Trung ương quản lý. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Cục Sở hữu trí tuệ tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí dự án địa phương quản lý.

3. Quy trình kiểm tra tình hình thực hiện dự án

a) Nội dung kiểm tra:

- Nội dung đã hoàn thành và nội dung dự án đang triển khai;
- Tình hình sử dụng kinh phí: Bao gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và kinh phí đối ứng;
- Sản phẩm dự án đã hoàn thành và đang trong giai đoạn triển khai;
- Các nội dung khác (nếu có).

b) Thời gian kiểm tra:

- Định kỳ 06 tháng 1 lần kể từ ngày phát sinh số dư tài khoản tiền gửi của dự án do cơ quan quản lý dự án tạm ứng kinh phí lần đầu;
- Đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý dự án.

c) Thành phần tham gia kiểm tra:

- Lãnh đạo cơ quan quản lý dự án hoặc cá nhân được lãnh đạo cơ quan quản lý dự án ủy quyền làm Trưởng đoàn kiểm tra;
- 01 cán bộ quản lý chuyên môn;
- 01 kế toán của cơ quan quản lý dự án;
- 01 thành viên của hội đồng tư vấn xác định dự án hoặc hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án (nếu cần);
- Thành phần khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý dự án.

d) Trình tự kiểm tra: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 của Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (viết tắt là Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN).

Trường hợp cần thiết, đoàn kiểm tra có thể yêu cầu kiểm tra chất lượng, thông số kỹ thuật của sản phẩm tại cơ quan có chuyên môn phù hợp, trong đó:

- Kinh phí cho việc kiểm tra chất lượng, thông số kỹ thuật của sản phẩm dự án Trung ương quản lý do Cục Sở hữu trí tuệ chi từ kinh phí tổ chức hoạt động chung thuộc Chương trình ở Trung ương;

- Kinh phí cho việc kiểm tra chất lượng, thông số kỹ thuật của sản phẩm dự án địa phương quản lý do Sở Khoa học và Công nghệ chi từ kinh phí tổ chức hoạt động chung thuộc Chương trình ở địa phương.

đ) Xử lý kết quả sau khi kết thúc kiểm tra: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 của Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN.

Việc điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án (nếu có) được thực hiện theo quy định từ Điều 26 đến Điều 28 của Thông tư này.

Điều 26. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án

1. Tổ chức chủ trì dự án có thể đề nghị Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét gia hạn hoặc rút ngắn thời gian thực hiện dự án.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức chủ trì dự án quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan quản lý dự án có trách nhiệm xem xét, thẩm định lý do đề nghị gia hạn, rút ngắn thời gian thực hiện dự án và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với dự án Trung ương quản lý) hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án địa phương quản lý) xem xét, phê duyệt.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi dự án, thời gian gia hạn không quá 06 tháng. Trường hợp đặc biệt, việc gia hạn dự án sẽ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với dự án Trung ương quản lý) hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án địa phương quản lý) quyết định.

4. Việc rút ngắn thời gian thực hiện dự án chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung, khối lượng công việc được giao.

Điều 27. Các thay đổi, điều chỉnh khác

1. Thay đổi tổ chức chủ trì dự án

Dự án chỉ được thay đổi tổ chức chủ trì trong trường hợp có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, chuyển đổi hình thức, giải thể tổ chức chủ trì. Tổ chức chủ trì dự án mới phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 11 của Thông tư này.

2. Thay đổi chủ nhiệm dự án

Việc thay đổi chủ nhiệm dự án được thực hiện trong các trường hợp quy định tại Điều 16 của Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN. Chủ nhiệm dự án mới phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 11 của Thông tư này.

3. Điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm của dự án, nội dung của dự án, kinh phí từ ngân sách nhà nước thực hiện dự án, kinh phí thực hiện dự án ngoài ngân sách nhà nước và mua sắm nguyên vật liệu, mua máy móc thiết bị:

Việc điều chỉnh này được thực hiện theo quy định tại các Điều 13, 14, 15 và Điều 18 của Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN.

Điều 28. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục thay đổi, điều chỉnh

1. Tổ chức chủ trì dự án quyết định điều chỉnh các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với dự án Trung ương quản lý) hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án địa phương quản lý) xem xét, quyết định việc điều chỉnh các nội dung không thuộc khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục điều chỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 20 của Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN.

Điều 29. Chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án

1. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN.

2. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục chấm dứt hợp đồng

a) Thẩm quyền thực hiện chấm dứt hợp đồng:

- Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với dự án Trung ương quản lý) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án địa phương quản lý) ra quyết định chấm dứt hợp đồng. Quyết định chấm dứt hợp đồng cần xác định rõ số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước, phương án xử lý sản phẩm, tài sản được hình thành hoặc mua sắm trong quá trình thực hiện dự án;

- Cơ quan quản lý dự án thực hiện việc thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì dự án và chủ nhiệm dự án theo quy định hiện hành.

b) Trình tự, thủ tục chấm dứt hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN.

Chương V

ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 30. Tự đánh giá kết quả thực hiện dự án

Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm dự án có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện dự án theo biểu mẫu B14 kèm theo Thông tư này trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cho cơ quan quản lý dự án.

Điều 31. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án

Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án bao gồm:

1. Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án của tổ chức chủ trì dự án theo biểu mẫu 2 tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (viết tắt là Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN).
2. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện dự án theo biểu mẫu B15 kèm theo Thông tư này.
3. Các sản phẩm, kết quả của dự án theo hợp đồng thực hiện dự án và thuyết minh dự án được phê duyệt.
4. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của dự án theo biểu mẫu B13 kèm theo Thông tư này.
5. Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện dự án theo biểu mẫu B14 kèm theo Thông tư này.
6. Các tài liệu khác (nếu có).

Điều 32. Nội hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án

1. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu gồm 01 bộ hồ sơ gốc (có dấu và chữ ký trực tiếp), được trình bày và in trên khổ giấy A4, sử dụng phông chữ tiếng Việt của bộ mã ký tự Unicode theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 6909:2001, cỡ chữ 14 và 01 bản điện tử (không cài bảo mật).
2. Việc nộp và tiếp nhận hồ sơ được thực hiện theo quy định tại Điều 13 của Thông tư này.
3. Thời hạn nộp hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 7 của Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN.

Điều 33. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án

1. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án có 07 hoặc 09 thành viên, trong đó có Chủ tịch, Phó Chủ tịch hội đồng, 02 ủy viên phản biện, 01 Thư ký khoa học và các ủy viên. Các thành viên hội đồng là chuyên gia về sở hữu trí tuệ, chuyên gia có chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực của dự án, đại diện cơ quan có liên quan, trong đó có ít nhất 01 thành viên đã tham gia hội đồng tư vấn xác định dự án hoặc hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án.
2. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 9 của Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN không được tham gia hội đồng.

3. Thẩm quyền và thời gian thành lập hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án

a) Thẩm quyền thành lập hội đồng:

- Dự án Trung ương quản lý: Hội đồng do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập;

- Dự án địa phương quản lý: Hội đồng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập.

b) Hội đồng được thành lập trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý dự án nhận được hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án hợp lệ.

Điều 34. Trình tự, nội dung làm việc của hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án

1. Phiên họp của hội đồng được tổ chức trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định thành lập hội đồng và chỉ tiến hành khi bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Cơ quan quản lý dự án đã nhận được đầy đủ ý kiến nhận xét bằng văn bản của 02 Ủy viên phản biện và ý kiến thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) ít nhất 01 ngày làm việc trước phiên họp hội đồng;

b) Có sự tham dự của ít nhất 05 thành viên (đối với hội đồng có 07 thành viên) hoặc ít nhất 07 thành viên (đối với hội đồng có 09 thành viên), trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và 02 ủy viên phản biện.

2. Trình tự làm việc của hội đồng

a) Hội đồng làm việc theo trình tự quy định tại khoản 5 Điều 10 của Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN;

b) Các thành viên hội đồng đánh giá kết quả thực hiện dự án bằng cách cho điểm vào Phiếu nhận xét, đánh giá theo biểu mẫu B16 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Hội đồng lập và thông qua Biên bản họp theo biểu mẫu B17 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Đối với dự án có hoạt động triển khai thực địa, dự án có sản phẩm trung gian, sản phẩm là các mô hình, thiết bị cụ thể, sản phẩm phải đo kiểm: Trường hợp cần thiết, cơ quan quản lý dự án tổ chức cho hội đồng kiểm tra, đánh giá thực tế, hiện trường thực hiện dự án hoặc kiểm tra, đánh giá chất lượng, thông số kỹ thuật sản phẩm tại cơ quan có chuyên môn phù hợp.

Điều 35. Nguyên tắc và kinh phí đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án

1. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN.

2. Kinh phí đánh giá, nghiệm thu:

a) Kinh phí đánh giá, nghiệm thu dự án Trung ương quản lý do Cục Sở hữu trí tuệ chi từ kinh phí tổ chức hoạt động chung thuộc Chương trình ở Trung ương;

b) Kinh phí đánh giá, nghiệm thu dự án địa phương quản lý do Sở Khoa học và Công nghệ chi từ kinh phí tổ chức hoạt động chung thuộc Chương trình ở địa phương;

c) Chi phí phát sinh để hoàn thiện các sản phẩm và hồ sơ nghiệm thu kết quả thực hiện dự án theo yêu cầu của hội đồng do tổ chức chủ trì và chủ nhiệm dự án tự trang trải.

Điều 36. Nội dung, phương pháp đánh giá và mức đánh giá, xếp loại của hội đồng

1. Nội dung, tiêu chí đánh giá

a) Thời gian nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu;

b) Mức độ hoàn thành các nội dung, khối lượng công việc của dự án;

c) Tính hợp lý, khoa học của phương án triển khai;

d) Mức độ hoàn thành các kết quả, sản phẩm: Số lượng các kết quả, sản phẩm so với thuyết minh dự án, hợp đồng giao thực hiện dự án; mức độ phù hợp của từng sản phẩm, kết quả so với định mức, tiêu chí khoa học, kỹ thuật được giao;

đ) Hiệu quả và tính bền vững (được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và/hoặc khả năng áp dụng thực tiễn của các sản phẩm, kết quả) của dự án;

e) Các nội dung, yêu cầu khác quy định tại Điều 12 của Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

2. Phương pháp đánh giá, xếp loại dự án của hội đồng

Phương pháp đánh giá, xếp loại dự án của hội đồng căn cứ vào trung bình cộng số điểm đánh giá của các thành viên hội đồng tham gia phiên họp, cụ thể là:

a) “Không nghiệm thu” nếu trung bình cộng số điểm đánh giá của thành viên hội đồng dưới 50 điểm;

b) “Nghiệm thu” nếu trung bình cộng số điểm đánh giá của thành viên hội đồng từ 50 điểm trở lên, trong đó:

- Nghiệm thu với mức “Đạt yêu cầu” nếu trung bình cộng số điểm đánh giá của thành viên hội đồng từ 50 đến dưới 70 điểm;

- Nghiệm thu với mức “Khá” nếu trung bình cộng số điểm đánh giá của thành viên hội đồng từ 70 đến dưới 90 điểm;

- Nghiệm thu với mức “Xuất sắc” nếu trung bình cộng số điểm đánh giá của thành viên hội đồng từ 90 đến 100 điểm.

3. Đối với dự án được hội đồng đánh giá, xếp loại “Nghiệm thu” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hội đồng thông qua Biên bản họp, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm dự án có trách

nhiệm hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu theo kết luận của hội đồng và nộp cho cơ quan quản lý dự án sau khi được Chủ tịch hội đồng xác nhận về việc hoàn thiện hồ sơ.

4. Đối với dự án được hội đồng đánh giá, xếp loại “Không nghiệm thu” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì sẽ được xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 37. Tổ chuyên gia và chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án

1. Tổ chuyên gia đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 9 của Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

2. Việc tổ chức lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập về đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 14 và Điều 22 của Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

Điều 38. Công nhận kết quả thực hiện dự án

1. Thẩm quyền công nhận kết quả thực hiện dự án

a) Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện dự án Trung ương quản lý;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện dự án địa phương quản lý.

2. Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện dự án bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Biên bản họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án;

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ dự án;

c) Báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu theo biểu mẫu 10 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN;

d) Ý kiến của tổ chuyên gia hoặc chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có);

đ) Dự thảo Quyết định công nhận kết quả thực hiện dự án theo biểu mẫu 11 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ các tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan quản lý dự án trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện dự án.

Điều 39. Thanh lý hợp đồng và xử lý tài sản sau khi kết thúc dự án

1. Cơ quan quản lý dự án tiến hành thanh lý hợp đồng thực hiện dự án với tổ chức chủ trì dự án và chủ nhiệm dự án theo biểu mẫu B18 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng kết quả thực hiện dự án được quản lý và thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và sở hữu trí tuệ.

3. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm dự án có trách nhiệm quản lý, khai thác kết quả thực hiện dự án theo quy định hiện hành. Việc xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện dự án được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 40. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tổ chức thực hiện và thống nhất quản lý Chương trình theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016, cụ thể như sau:

a) Hướng dẫn đề xuất dự án, xây dựng và phê duyệt danh mục dự án đặt hàng phù hợp với mục tiêu, nội dung của Chương trình, phân nhóm dự án Trung ương quản lý và dự án địa phương quản lý;

b) Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án Trung ương quản lý;

c) Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án Trung ương quản lý;

d) Phê duyệt kinh phí thực hiện dự án Trung ương quản lý, kinh phí thực hiện các hoạt động chung thuộc Chương trình ở Trung ương và kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương đối với dự án địa phương quản lý;

đ) Tổng hợp dự toán kinh phí của Chương trình để cân đối trong tổng dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học hàng năm; giao dự toán kinh phí hoạt động chung thuộc Chương trình ở Trung ương và dự toán kinh phí thực hiện dự án Trung ương quản lý; phối hợp với Bộ Tài chính cân đối kinh phí hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương đối với dự án địa phương quản lý;

e) Chủ trì kiểm tra việc thực hiện và quyết định việc điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án Trung ương quản lý, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kiểm tra các dự án địa phương quản lý;

g) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm máy móc, thiết bị, hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ của dự án bằng kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương của dự án Trung ương quản lý;

h) Quyết toán kinh phí dự án Trung ương quản lý và kinh phí hoạt động chung thuộc Chương trình ở Trung ương. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu, công nhận kết quả thực hiện dự án và xử lý tài sản dự án Trung ương quản lý. Tổ chức phổ biến và nhân rộng kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình;

i) Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, sơ kết và tổng kết việc thực hiện Chương trình;

k) Tổ chức triển khai hoạt động chung thuộc Chương trình ở Trung ương.

2. Cục Sở hữu trí tuệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 41. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Tổ chức thực hiện Chương trình theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 1062/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2016, cụ thể như sau:

a) Tổng hợp đề xuất dự án của các tổ chức, cá nhân và trực tiếp đề xuất dự án phù hợp với mục tiêu, nội dung của Chương trình để đặt hàng với Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án địa phương quản lý thuộc danh mục dự án đặt hàng được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án địa phương quản lý;

c) Phê duyệt kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện dự án địa phương quản lý, kinh phí thực hiện hoạt động chung thuộc Chương trình ở địa phương và kinh phí đối ứng từ ngân sách địa phương cho dự án Trung ương quản lý (nếu có); tổng hợp dự toán kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình và cân đối trong tổng dự toán ngân sách hàng năm của địa phương;

d) Chủ trì kiểm tra, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các dự án địa phương quản lý; phối hợp kiểm tra, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện các dự án do Trung ương quản lý thực hiện tại địa phương;

đ) Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm máy móc, thiết bị, hàng hóa, nguyên vật liệu và dịch vụ bằng kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ của dự án địa phương quản lý;

e) Quyết toán kinh phí của dự án địa phương quản lý, kinh phí đối ứng thực hiện dự án Trung ương quản lý (nếu có) và kinh phí hoạt động chung thuộc Chương trình tại địa phương. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án địa phương quản lý, công nhận kết quả thực hiện và xử lý tài sản của dự án địa phương quản lý;

g) Xây dựng cơ chế hỗ trợ và tổ chức phổ biến, nhân rộng kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình tại địa phương;

h) Chỉ đạo lồng ghép các nội dung của dự án thuộc Chương trình với các dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn, huy động các nguồn vốn khác để cùng với nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước bảo đảm đủ kinh phí thực hiện dự án;

i) Báo cáo bằng văn bản với Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả thực hiện hàng năm, sơ kết và tổng kết Chương trình thực hiện tại địa phương hoặc báo cáo đột xuất theo đề nghị của Bộ Khoa học và Công nghệ;

k) Tổ chức triển khai hoạt động chung thuộc Chương trình tại địa phương.

2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ nêu tại khoản 1 Điều này.

Điều 42. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì dự án

1. Ký hợp đồng thực hiện dự án và biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện dự án theo quy định tại Điều 24 và Điều 39 của Thông tư này.

2. Phối hợp với cơ quan quản lý dự án thực hiện quy định tại các khoản 3, 5, 7, 10 và 11 Điều 15 của Thông tư số 18/2016/TT-BKHHCN ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý dự án khoa học và công nghệ cấp quốc gia (viết tắt là Thông tư số 18/2016/TT-BKHHCN).

3. Thực hiện quy định tại các khoản 1, 2, 6, 9, 11, 12, 13 và 14 Điều 15 của Thông tư số 18/2016/TT-BKHHCN.

4. Tổng hợp và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Sở hữu trí tuệ), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ) về tình hình cấp phát, sử dụng và quyết toán kinh phí dự án.

Điều 43. Trách nhiệm của chủ nhiệm dự án

1. Ký hợp đồng thực hiện dự án và biên bản thanh lý hợp đồng thực hiện dự án theo quy định tại Điều 24 và Điều 39 của Thông tư này.

2. Chịu trách nhiệm về tính pháp lý của các đối tượng sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ (đối với chủ nhiệm dự án là tác giả các đối tượng quyền sở hữu trí tuệ quy định tại Điều 3 Luật Sở hữu trí tuệ).

3. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả, sản phẩm và hiệu quả của dự án; có phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hóa sản phẩm từ kết quả của dự án.

4. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, có hiệu quả; thực hiện báo cáo, quản lý kinh phí, thanh quyết toán dự án theo quy định hiện hành.

5. Đề xuất, kiến nghị với tổ chức chủ trì dự án về điều chỉnh nội dung, sản phẩm, kinh phí và tiến độ của các nhiệm vụ thuộc dự án.

6. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp thực hiện dự án theo hợp đồng; báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình triển khai và sử dụng kinh phí của dự án.

Điều 44. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 11 tháng 02 năm 2018.

2. Việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc danh mục dự án đặt hàng đã được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt trước ngày Thông tư này có hiệu lực tiếp tục được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2011/TT-BKHHCN ngày 20 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn tuyển chọn và quản lý dự án thuộc Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015.

Điều 45. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời bằng văn bản về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, quyết định.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào các quy định tại Thông tư này để áp dụng hoặc ban hành văn bản quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của địa phương./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo VPCP;
- Lưu: VT, SHTT, PC.



Phạm Công Tạc